**CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 3 NGHÀNH NGÔN NGỮ ANH NĂM 2019**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **CẤP ĐỘ** | | | **CÁC CHỦ ĐỀ CHUẨN ĐẦU RA** | **TĐNL** |
| **I.** | | | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |
| **1** | **1** |  | **Kiến thức cơ bản** |  |
| 1 | 1 | 1 | *Nhận biết* kiến thức cơ bản về lý luận chính trị | 2.0 |
| 1 | 1 | 2 | *Vận dụng* kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| 1 | 1 | 3 | *Sử dụng* tiếng Pháp trong học tập và giao tiếp từ bậc 2 đến bậc 3 | 3.0 |
| 1 | 1 | 4 | *Sử dụng* CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu | 3.0 |
| 1 | 1 | 5 | *Hiểu biết* kiến thức dẫn luận ngôn ngữ | 2.5 |
| 1 | 1 | 6 | *Hiểu biết* về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp | 2.5 |
| **1** | **2** |  | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |
| 1 | 2 | 1 | *Sử dụng* tiếng Anh tổng hợp từ cuối bậc 2 đến đầu bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) | 3.5 |
| 1 | 2 | 2 | *Sử dụng* kỹ năng tiếng Anh từ bậc 4 đến bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) | 3.5 |
| 1 | 2 | 3 | *Giải thích* kiến thức về lý luận ngôn ngữ Anh | 2.5 |
| 1 | 2 | 4 | *Vận dụng* phương pháp, chiến lược giao tiếp trong môi trường đa văn hóa | 3.0 |
| 1 | 2 | 5 | *Áp dụng* kiến thứcvăn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội các quốc gia nói tiếng Anh trong dịch thuật và giao tiếp | 3.0 |
| 1 | 2 | 6 | *Khái quát hóa* lược sử văn học Anh | 2.5 |
| 1 | 2 | 7 | *Áp dụng* phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh | 3.0 |
| **1** | **3** |  | **Kiến thức chuyên ngành** |  |
| 1 | 3 | 1 | *Khái quát hóa* lý thuyết biên dịch, phiên dịch | 3.0 |
| 1 | 3 | 2 | *Thực hiện* dịch cấp độ câu, cấp độ ý và cấp độ văn bản | 3.0 |
| 1 | 3 | 3 | *Thực hiện* phiên dịch cấp độ câu, cấp độ ý và cấp độ ngôn bản | 3.0 |
| 1 | 3 | 4 | *Diễn giải* sự tương đồng và khác biệt ngôn ngữ Việt-Anh, Anh-Việt trong thực tế sử dụng | 3.0 |
| 1 | 3 | 5 | *Làm sáng tỏ* kết cấu văn bản và cấu trúc hội thoại dưới sự ảnh hưởng của yếu tố văn hoá và hệ tư tưởng | 3.0 |
| 1 | 3 | 6 | *Phân tích* văn bản, nghĩa của phát ngôn trong thực tế sử dụng | 3.0 |
| 1 | 3 | 7 | *Diễn giải* các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường kinh doanh | 3.0 |
| 1 | 3 | 8 | *Hiểu biết* nghiệp vụ hướng dẫn du lịch | 3.0 |
| 1 | 3 | 9 | *Hiểu biết* nghiệp vụ hành chính văn phòng | 3.0 |
| 1 | 3 | 10 | *Hiểu biết* nghiệp vụtruyền thông và quan hệ công chúng | 3.0 |
| 1 | 3 | 11 | *Hiểu biết* chiến lược marketing quốc tế, xây dựng các mối quan hệ, chăm sóc khách hàng | 3.0 |
| 1 | 3 | 12 | *Hiểu biết* quy trình xây dựng dự án | 3.0 |
| **1** | **4** |  | **Kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp** |  |
| 1 | 4 | 1 | *Lập kế hoạch* thực tập nghề nghiệp | 3.5 |
| 1 | 4 | 2 | *Triển khai* quy trình thực tập nghề nghiệp | 3.5 |
| 1 | 4 | 3 | *Áp dụng* các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả | 3.5 |
| 1 | 4 | 4 | *Đánh giá* và *cải tiến* hoạt động thực tập nghề nghiệp | 4.0 |
| **II** | | | **KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP** |  |
| **2** | **1** |  | **Kỹ năng nghề nghiệp** |  |
| 2 | 1 | 1 | *Thực hiện* hiệu quả kỹ năng chuyển dịch ngôn ngữ văn bản Việt-Anh, Anh-Việt | 3.5 |
| 2 | 1 | 2 | *Thực hiện* hiệu quả kỹ năng phiên dịch Việt-Anh, Anh-Việt | 3.5 |
| 2 | 1 | 3 | *Thực hiện* giao tiếp tiếng Anh thành thạo (tương đương bậc 5) | 3.5 |
| 2 | 1 | 4 | *Vận dụng* kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh | 3.5 |
| 2 | 1 | 5 | *Vận dụng* chiến lược giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa | 3.5 |
| 2 | 1 | 6 | *Xây dựng* kế hoạch, tổ chức, hướng dẫn tour du lịch | 3.5 |
| 2 | 1 | 7 | *Vận dụng* nghiệp vụ hành chính văn phòng | 3.5 |
| 2 | 1 | 8 | *Vận dụng* nghiệp vụ truyền thông và quan hệ công chúng | 3.5 |
| 2 | 1 | 9 | *Vận dụng* kỹ năngmarketing trong lĩnh lực kinh tế | 3.5 |
| 2 | 1 | 10 | *Vận dụng* kỹ năngxây dựng dự án, đánh giá phương án khả thi | 3.5 |
| **2** | **2** |  | **Lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp** |  |
| 2 | 2 | 1 | *Phát hiện* và hình thành vấn đề | 2.5 |
| 2 | 2 | 2 | *Tổng quát hóa* vấn đề | 3.0 |
| 2 | 2 | 3 | *Triển khai* giải pháp và đề xuất | 3.0 |
| **2** | **3** |  | **Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức** |  |
| 2 | 3 | 1 | *Thể hiện* khả năng cập nhật tri thức | 3.0 |
| 2 | 3 | 2 | *Thể hiện* khả năng tổng hợp tài liệu | 3.0 |
| 2 | 3 | 3 | *Thể hiện* khả năng phân tích và xử lý thông tin | 3.0 |
| 2 | 3 | 4 | *Thể hiện* khả năng trải nghiệm sáng tạo | 3.0 |
| 2 | 3 | 5 | *Thể hiện* khả năng thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau | 3.0 |
| **2** | **4** |  | **Tư duy hệ thống** |  |
| 2 | 4 | 1 | *Phân tích* vấn đề theo logic | 3.0 |
| 2 | 4 | 2 | *Suy xét* mối tương quan giữa các vấn đề | 3.0 |
| 2 | 4 | 3 | *Xác định* vấn đề ưu tiên | 3.0 |
| 2 | 4 | 4 | *Giải quyết* cân bằng giữa các vấn đề | 3.5 |
| **2** | **5** |  | **Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp** |  |
| 2 | 5 | 1 | *Thể hiện* đạo đức, liêm chínhvàtrách nhiệm xã hội | 3.0 |
| 2 | 5 | 2 | *Thể hiện* cách hành xử chuyên nghiệp | 3.0 |
| 2 | 5 | 3 | *Thể hiện* tính trung thực trong nghề nghiệp | 3.0 |
| 2 | 5 | 4 | *Thể hiện* sự nhiệt tình và say mê công việc | 3.0 |
| 2 | 5 | 5 | *Thể hiện* tính kỷ luật nghề nghiệp | 3.0 |
| **III** |  |  | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |  |
| **3** | **1** |  | **Kỹ năng làm việc nhóm** |  |
| 3 | 1 | 1 | *Phác thảo* mục tiêu và kế hoạch làm việc nhóm | 3.0 |
| 3 | 1 | 2 | *Triển khai* hoạt động nhóm | 3.0 |
| 3 | 1 | 3 | *Phát triển* hoạt động nhóm | 3.0 |
| 3 | 1 | 4 | *Dẫn dắt* lãnh đạo hoạt động nhóm | 3.0 |
| 3 | 1 | 5 | *Hoạt động* nhóm đa ngành | 3.0 |
| **3** | **2** |  | **Kỹ năng giao tiếp** |  |
| 3 | 2 | 1 | *Sử dụng* kỹ năng thuyết trình | 3.0 |
| 3 | 2 | 2 | *Vận dụng* chiến lược giao tiếp | 3.0 |
| 3 | 2 | 3 | *Thực hành* giao tiếp bằng văn bản | 3.0 |
| 3 | 2 | 4 | *Thực hành* giao tiếp điện tử và đa phương tiện | 3.0 |
| **3** | **3** |  | **Giao tiếp bằng ngoại ngữ** |  |
| 3 | 3 | 1 | *Sử dụng* tiếng Anh trong giao tiếp (tương đương bậc 5) | 3.5 |
| 3 | 3 | 2 | *Sử dung* tiếng Pháp trong giao tiếp (tương đương bậc 3) | 3.0 |
| **IV** | | | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG (C), XÂY DỰNG (D), THỰC HIỆN (I) VÀ PHÁT TRIỂN (D) HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC** |  |
| **4** | **1** |  | **Hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành đào tạo** |  |
| 4 | 1 | 1 | *Nhận thức* vai trò và trách nhiệm của cử nhân Ngôn ngữ Anh | 2.5 |
| 4 | 1 | 2 | *Xác định* tác động giữa ngôn ngữ Anh và xã hội | 2.5 |
| 4 | 1 | 3 | *Hiểu biết* các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| 4 | 1 | 4 | *Hiểu biết* bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập quốc tế | 3.0 |
| **4** | **2** |  | **Hiểu biết bối cảnh tổ chức** |  |
| 4 | 2 | 1 | *Hiểu biết* sự đa dạng văn hóa của tổ chức | 3.0 |
| 4 | 2 | 2 | *Hiểu biết* sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển của tổ chức | 3.0 |
| 4 | 2 | 3 | *Hiểu* *biết* bối cảnh kinh doanh/hoạt động của tổ chức | 3.0 |
| **4** | **3** |  | **Hình thành ý tưởng hoạt động nghề nghiệp** |  |
| 4 | 3 | 1 | *Xác định* nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp | 2.5 |
| 4 | 3 | 2 | *Xác định* chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trìnhhoạt động nghề nghiệp | 2.5 |
| 4 | 3 | 3 | *Phác thảo* kế hoạchhoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| **4** | **4** |  | **Xây dựng phương án** |  |
| 4 | 4 | 1 | *Xây dựng* phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| 4 | 4 | 2 | *Phân tích* các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp | 4.0 |
| 4 | 4 | 3 | *Lựa chọn* phương pháp tiếp cận phù hợp | 3.5 |
| 4 | 4 | 4 | *Xây dựng* phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| **4** | **5** |  | **Thực hiện** |  |
| 4 | 5 | 1 | *Triển khai* hoạt động nghề nghiệp | 3.5 |
| 4 | 5 | 2 | *Vận dụng* kiến thức và kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp | 3.5 |
| 4 | 5 | 3 | *Quản lý* quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp | 3.5 |
| **4** | **6** |  | **Phát triển** |  |
| 4 | 6 | 1 | *Phát hiện*, *giải quyết* vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp | 3.0 |
| 4 | 6 | 2 | *Đánh giá* hiệu quả hoạt động nghề nghiệp | 4.0 |
| 4 | 6 | 3 | *Phát triển* hoạt động nghề nghiệp | 3.5 |

**3.2. Trình độ năng lực**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **KÝ HIỆU** | **TĐNL** | **MÔ TẢ** | **CÁC ĐỘNG TỪ TIẾNG VIỆT ĐƯỢC DÙNG** |
| 1 | 0.0 🡪 2.0 | Có biết qua/  Có nghe qua. | Thu thập/ Định nghĩa/ Nhận biết/ Xác định/ Phác thảo/ Trình bày/ Tường thuật/ Nhắc lại/ Kể lại/ Khẳng định/... |
| 2 | 2.0 🡪 3.0 | Có hiểu biết/  Có thể tham gia. | Sửa đổi/ Lý giải / Thay đổi/ Chuyển đổi, biến đổi/ Hợp thành nhóm/ Giải thích/ Khái quát hóa/ Cho thí dụ/ Phỏng đoán, suy đoán/ Làm sáng tỏ, diễn giải/ Chú giải/ Dự đoán/ Xem xét lại/ Tóm tắt, tổng kết/ Phiên dịch/... |
| 3 | 3.0 🡪 4.0 | Có khả năng vận dụng | Áp dung/ Làm theo/ Thu thập/ Xây dựng/ Chứng minh/ Phát hiện/ Minh họa/ Phỏng vấn/ Tận dụng/ Tác động/ Liên hệ, liên kết/ Giải quyết/ Sử dụng/ Triển khai/ Thực hiện/.... |
| 4 | 4.0 🡪 4.5 | Có khả năng phân tích, tổng hợp. | Phân tích/ So sánh/ Đối chiếu/ Phân biệt/ Nhận diện/ Minh họa/ Phỏng đoán/ Suy đoán/ Phác thảo/ Chỉ ra/ Bình luận/ Lựa chọn/ Chia ra, phân chia/ Sắp xếp/ Chia nhỏ/... |
| 5 | 4.5 🡪 5.0 | Có khả năng đánh giá và sáng tạo. | **-** Biện luận/ Phân loại/ Thu thập/ Phối hợp/ Thiết kế/ Phát triển/ Thiết lập/ Tổ chức/ Tổ chức lại/ Tóm tắt/ Lập kế hoạch/...  **-** Thẩm định/ Đánh giá/ So sánh/ Khuyến cáo/ Chỉnh sửa/ Tóm lược/ Phê chuẩn/ Xếp hạng/ Hỗ trợ/ Dự báo/,... |

**5. CHUẨN ĐẦU RA CẤP ĐỘ 4**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | **CẤP ĐỘ** | | | **NỘI DUNG** | **TĐNL** |
| **I.** |  | |  |  | **KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH** |  |
| **1** | **1** | |  |  | **Kiến thức đại cương** |  |
| **1** | **1** | | **1** |  | ***Nhận biết* kiến thức cơ bản về lý luận chính trị** | **2.0** |
| 1 | 1 | | 1 | 1 | Nhận biết những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin |  |
| 1 | 1 | | 1 | 2 | Nhận biết đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam |
| 1 | 1 | | 1 | 3 | Nhận biết tư tưởng Hồ Chí Minh |
| **1** | **1** | | **2** |  | ***Vận dụng* kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 1 | 1 | | 2 | 1 | Phân tích các quan điểm khác nhau về tâm lý |  |
| 1 | 1 | | 2 | 2 | Phân tích các phương pháp nghiên cứu tâm lý |
| 1 | 1 | | 2 | 3 | Giải thích các hiện tượng tâm lý trong cuộc sống |
| 1 | 1 | | 2 | 4 | Vận dụng kiến thức tâm lý học vào hoạt động nghề nghiệp  phù hợp với các đối tượng cụ thể |
| **1** | **1** | | **3** |  | ***Sử dụng* tiếng Pháp trong học tập và giao tiếp từ bậc 2 đến bậc 3** | **3.0** |
| 1 | 1 | | 3 | 1 | Sử dụng tiếng Pháp bậc 2 (A2) |  |
| 1 | 1 | | 3 | 2 | Sử dụng tiếng Pháp bậc 3 (B1) |
| **1** | **1** | | **4** |  | ***Sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu*** | **3.0** |
| 1 | 1 | | 4 | 1 | Phân tích các khái niệm cơ bản của công nghệ thông tin |  |
| 1 | 1 | | 4 | 2 | Ứng dụng các tính năng cơ bản của MS-Office trong học tập, công việc và nghiên cứu |
| 1 | 1 | | 4 | 3 | Sử dụng Internet trong học tập, công việc và nghiên cứu |
| 1 | 1 | | 4 | 4 | Khai thác các ứng dụng các phần mềm phục vụ công việc và nghiên cứu |
| **1** | **1** | | **5** |  | ***Hiểu biết* kiến thức dẫn luận ngôn ngữ** | **2.5** |
| 1 | 1 | | 4 | 1 | Hiểu bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ |  |
| 1 | 1 | | 4 | 2 | Biết các đơn vị của ngôn ngữ và tư duy |
| 1 | 1 | | 4 | 3 | Trình bày đước các cấp độ phân tích, ứng dụng ngôn ngữ |
| 1 | 1 | | 4 | 4 | Hiểu biết ngôn ngữ học hiện đại về ngữ nghĩa học, ngữ dụng học, ngôn ngữ học ứng dụng |
| **1** | **1** | | **5** |  | ***Hiểu biết* về hội nhập quốc tế và định hướng nghề nghiệp** | **2.5** |
| 1 | 1 | | 5 | 1 | Hiểu biết hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kinh tế, thương mại và đầu tư, văn hóa-xã hội |  |
| 1 | 1 | | 5 | 2 | Hiểu biết hội nhập quốc tế của Việt Nam và cơ hội việc làm |
| 1 | 1 | | 5 | 3 | Định hướng được nghề nghiệp bản thân trong xu thế hội nhập |
| 1 | 1 | | 5 | 4 | Diễn giải mục tiêu, phương án khả thi hoạt động nghề nghiệp |
| **1** | **2** | |  |  | **Kiến thức cơ sở ngành** |  |
| **1** | **2** | | **1** |  | ***Sử dụng* tiếng Anh tổng hợp từ cuối bậc 2 đến đầu bậc 4 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)** | **3.5** |
| 1 | 2 | | 1 | 1 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh tổng hợp cuối bậc 2 và đầu bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1-) |  |
| 1 | 2 | | 1 | 2 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh tổng hợp bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1) |
| 1 | 2 | | 1 | 3 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh tổng hợp đầu bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2-) |
| **1** | **2** | | **2** |  | ***Sử dụng* kỹ năng tiếng Anh từ bậc 4 đến bậc 5 (Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam)** | **3.5** |
| 1 | 2 | | 2 | 1 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2) |  |
| 1 | 2 | | 2 | 2 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh cuối bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B2+) |
| 1 | 2 | | 2 | 3 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh đầu bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1-) |
| 1 | 2 | | 2 | 4 | Sử dụng kiến thức và kỹ năng tiếng Anh bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (C1) |  |
| **1** | **2** | | **3** |  | ***Giải thích* kiến thức về lý luận ngôn ngữ Anh** | **2.5** |
| 1 | 2 | | 3 | 1 | Giải thích kiến thức cơ bản về ngữ âm và giải thích các quy tắc phát âm trong giao tiếp tiếng Anh |  |
| 1 | 2 | | 3 | 2 | Giải thích kiến thức về ngữ pháp tiếng Anh và giải thích các quy luật ngữ pháp trong tiếng Anh |
| 1 | 2 | | 3 | 3 | Giải thích kiến thức về từ, ngữ, thành phần cấu tạo từ, quá trình tạo từ, ý nghĩa của từ và câu và giải thích các vấn đề liên quan đến sử dụng từ trong giao tiếp tiếng Anh |
| **1** | **2** | | **4** |  | ***Vận dụng* phương pháp, chiến lược giao tiếp trong môi trường đa văn hóa** | **3.0** |
| 1 | 2 | | 4 | 1 | Diễn giải sự khác biệt giữa văn hóa phương Tây và phương Đông, nguyên nhân sốc văn hóa/xung đột văn hóa, ngưng trệ giao tiếp |  |
| 1 | 2 | | 4 | 2 | Vận dụng các chiến lược giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa (chiến lược tránh sốc văn hóa, xung đột văn hóa, ngưng trệ giao tiếp) |
| **1** | **2** | | **5** |  | ***Áp dụng* kiến thứcvăn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội các nước nói tiếng Anh trong dịch thuật và giao tiếp** | **3.0** |
| 1 | 2 | | 5 | 1 | Áp dụng kiến thức về văn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội Anh-Mỹ; |  |
| 1 | 2 | | 5 | 2 | Áp dụng kiến thức về văn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội các nước Bắc Âu; |
| 1 | 2 | | 5 | 3 | Áp dụng kiến thức về văn hóa, lịch sử, chính trị-xã hội Úc, New Zealand |
| **1** | **2** | | **6** |  | ***Khái quát hóa* lược sử văn học Anh** | **2.5** |
| 1 | 2 | | 6 | 1 | Trình bày khái lược lịch sử phát triển của Văn học Anh qua từng giai đoạn lịch sử |  |
| 1 | 2 | | 6 | 2 | Trình bày về một số trào lưu văn học, thể loại, tác giả và tác phẩm văn học tiêu biểu |
| 1 | 2 | | 6 | 3 | Phân tích, so sánh trào lưu văn học về các khía cạnh như thể loại, chủ điểm, tuyến nhân vật |
| 1 | 2 | | 6 | 4 | Dịch được một số trích đoạn của tác phẩm văn học tiêu biểu |
| **1** | **2** | | **7** |  | ***Áp dụng* phương pháp NCKH chuyên ngành tiếng Anh** | **3.0** |
| 1 | 2 | | 7 | 1 | Nhận biết lý luận cơ bản về NCKH |  |
| 1 | 2 | | 7 | 2 | Hiểu biết cách thức lựa chọn vấn đề nghiên cứu |
| 1 | 2 | | 7 | 3 | Áp dụng các bước tiến hành nghiên cứu vấn đề thông qua hành động |
| 1 | 2 | | 7 | 4 | Áp dụng những phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản |
| 1 | 2 | | 7 | 5 | Áp dụng các phương pháp thu thập số liệu, phân tích, tổng hợp số liệu |
| 1 | 2 | | 7 | 6 | Áp dụng cách thức trình bày một nghiên cứu khoa học |
| **1** | **3** | |  |  | **Kiến thức chuyên ngành** |  |
| **1** | **3** | | **1** |  | ***Khái quát hóa* lý thuyết biên, phiên dịch** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 1 | 1 | Diễn giải quy trình dịch, phương pháp dịch, các chiến lược dịch |  |
| 1 | 3 | | 1 | 2 | Tóm tắt các loại hình phiên dịch, các cấp độ phiên dịch, tiến trình phiên dịch |
| 1 | 3 | | 1 | 3 | Diễn giải vai trò và các yêu cầu nghề nghiệp đối với biên dịch viên, phiên dịch viên |
| **1** | **3** | | **2** |  | ***Thực hiện* dịch cấp độ câu, cấp độ ý và cấp độ văn bản** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 2 | 1 | Diễn giải cấu trúc câu đơn, câu ghép, câu phức, câu phức hợp trong tiếng Anh và tiếng Việt |  |
| 1 | 3 | | 2 | 2 | Thực hiện dịch Anh-Việt, Việt-Anh cấp độ câu, cấp độ ý |
| 1 | 3 | | 2 | 3 | Phân biệt được các loại hình văn bản |
| 1 | 3 | | 2 | 4 | Thực hiện dịch văn bản Anh-Việt, Việt-Anh về các chủ đề:  Du lịch, giáo dục, kinh tế, văn hóa-xã hội, truyền thông |
| **1** | **3** | | **3** |  | ***Thực hiện* phiên dịch cấp độ câu, cấp độ ý và cấp độ ngôn bản** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 3 | 1 | Phiên dịch cấp độ câu, cấp độ ý về chủ đề về kinh tế, chính trị, thời sự, văn hóa-xã hội |  |
| 1 | 3 | | 3 | 2 | Phiên dịch cấp độ ngôn bản về chủ đề du lịch, giao lưu quốc tế, văn hoá nghệ thuật, chính trị, ngoại giao |
| **1** | **3** | | **4** |  | ***Diễn giải* sự tương đồng và khác biệt ngôn ngữ Việt-Anh, Anh-Việt trong trong thực tế sử dụng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 4 | 1 | Nhận biết đối tượng cụ thể của phân tích đối chiếu |  |
| 1 | 3 | | 4 | 2 | Hiểu biết các nguyên tắc của phân tích đối chiếu |
| 1 | 3 | | 4 | 3 | Diễn giải các bình diện đối chiếu |
| 1 | 3 | | 4 | 4 | Phân tích đối chiếu các ý niệm |
| 1 | 3 | | 4 | 5 | Sử dụng phân tích đối chiếu trong dạy-học ngoại ngữ và biên, phiên dịch |
| **1** | **3** | | **5** |  | ***Làm sáng tỏ* kết cấu văn bản và cấu trúc hội thoại dưới sự ảnh hưởng của yếu tố văn hoá và hệ tư tưởng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 5 | 1 | Phân tích cấu trúc văn bản ở cấp độ trên câu |  |
| 1 | 3 | | 5 | 2 | Diễn giải cấu trúc hội thoại |
| 1 | 3 | | 5 | 3 | Phân tích một số qui tắc và hình thức diễn ngôn xét theo tính đặc thù văn hoá |
| 1 | 3 | | 5 | 4 | Phân tích vấn đề về ngữ vực, tình thái thể hiện trong giao tiếp khẩu ngữ và bút ngữ |
| **1** | **3** | | **6** |  | ***Phân tích* văn bản, nghĩa của phát ngôn trong thực tế sử dụng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 6 | 1 | Khái quát hóa các trường phái ngôn ngữ tiên tiến áp dụng trong nghiên cứu và giảng dạy ngôn ngữ |  |
| 1 | 3 | | 6 | 2 | Phân biệt nghĩa của câu và nghĩa của phát ngôn trong ngữ cảnh cụ thể |
| 1 | 3 | | 6 | 3 | Phân tích văn bản, hợp tác hội thoại, các nguyên lí hợp tác hội thoại và hàm ý |
| 1 | 3 | | 6 | 4 | Diễn giải các chiến lược lịch sự trong giao tiếp |
| **1** | **3** | | **7** |  | ***Diễn giải* các loại hình giao tiếp, chiến lược giao tiếp trong môi trường kinh doanh** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 7 | 1 | Phân tích các loại hình giao tiếp khẩu ngữ, bút ngữ, phi ngôn ngữ hiệu quả trong môi trường kinh doanh |  |
| 1 | 3 | | 7 | 2 | Diễn giải các chiến lược giao tiếp với cấp trên, với đồng nghiệp, với đối tác/khách hàng |
| 1 | 3 | | 7 | 3 | Diễn giải quy trình, nội dung, phương thức viết thư điện tử, memos, Resume, báo cáo |
| **1** | **3** | | **8** |  | ***Hiểu biết* nghiệp vụ hướng dẫn du lịch** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 8 | 1 | Hiểu biết các yếu tố tác động đến hướng dẫn viên du lịch |  |
| 1 | 3 | | 8 | 2 | Hiểu biết yêu cầu đối với hướng dẫn viên du lịch |  |
| 1 | 3 | | 8 | 3 | Hiểu biết các nghiệp vụ cơ bản của hướng dẫn viên du lịch |  |
| **1** | **3** | | **9** |  | ***Hiểu biết* nghiệp vụ hành chính văn phòng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 9 | 1 | Hiểu biết yêu cầu đối với thư ký văn phòng |  |
| 1 | 3 | | 9 | 2 | Phân tích chức năng, đặc điểm của văn phòng, thư ký chuyên nghiệp |
| 1 | 3 | | 9 | 3 | Khái quát hóa kỹ năng xây dựng, thiết kế các kế hoạch về công tác văn phòng và tổ chức thực hiện công tác văn phòng, lưu trữ hồ sơ |
| **1** | **3** | | **10** |  | ***Hiểu biết* nghiệp vụtruyền thông và quan hệ công chúng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 10 | 1 | Hiểu biết các hướng tiếp cận xã hội học về truyền thông đại chúng |  |
| 1 | 3 | | 10 | 2 | Hiểu biết vai trò xã hội của đội ngũ truyền thông |
| 1 | 3 | | 10 | 3 | Hiểu biết ngôn ngữ báo chí/truyền thông và chuyển dịch ngôn ngữ báo chí/truyền thông |
| 1 | 3 | | 10 | 4 | Diễn giải các nghiệp vụ truyền thông |
| **1** | **3** | | **11** |  | ***Hiểu biết* chiến lược marketing quốc tế, xây dựng các mối quan hệ, chăm sóc khách hàng** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 11 | 1 | Hiểu biết hệ thống thông tin và nghiên cứu marketing, môi trường marketing |  |
| 1 | 3 | | 11 | 2 | Phân tích thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng |
| 1 | 3 | | 11 | 3 | Phân loại thị trường, lựa chon thị trường và định hướng thị trường |
| 1 | 3 | | 11 | 4 | Hiểu biết các chiến lược xây dựng quan hệ với khách hàng, chăm sóc khách hàng |
| **1** | **3** | | **12** |  | ***Hiểu biết* quy trình xây dựng dự án** | **3.0** |
| 1 | 3 | | 12 | 1 | Hiểu biết vai trò, chức năng, nhiệm vụ của người làm dự án |  |
| 1 | 3 | | 12 | 2 | Hiểu biết về dự án và quy trình xây dưng dự án |
| 1 | 3 | | 12 | 3 | Hiểu biết về mô hình dự án, phương pháp và kỹ thuật quản lý dự án xã hội trong lĩnh vực phát triển |
| 1 | 3 | | 12 | 4 | Trình bày được quy trình thiết kế dự án từ quá trình nghiên cứu, phân tích vấn đề xã hội |
| **1** | **4** | |  |  | **Kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp** |  |
| **1** | **4** | | **1** |  | ***Lập kế hoạch* thực tập nghề nghiệp** | **3.5** |
| 1 | 4 | | 1 | 1 | Nhận diện đơn vị thực tập theo định hướng nghề nghiệp |  |
| 1 | 4 | | 1 | 2 | Tìm hiểu thông tin đơn vị thực tập |
| 1 | 4 | | 1 | 3 | Giao tiếp, liên hệ đơn vị thực tập |
| 1 | 4 | | 1 | 4 | Lập kế hoạch hành động |
| **1** | **4** | | **2** |  | ***Triển khai* quy trình thực tập nghề nghiệp** | **3.5** |
| 1 | 4 | | 2 | 1 | Thực hiện kế hoạch thực tập theo phân nhiệm của đơn vị thực tập |  |
|  |  | |  |  | Thực hiện quy trình hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị thực tập |
| 1 | 4 | | 2 | 2 | Quản lý quá trình thực hiện hoạt động thực tập nghề nghiệp và xem xét tiến độ |
| 1 | 4 | | 2 | 3 | Triển khai viết nhật ký thực tập, thực hiện quy trình viết báo cáo thực tập |
| **1** | **4** | | **3** |  | ***Áp dụng* các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả** | **3.5** |
| 1 | 4 | | 3 | 1 | Áp dụng chiến lược giao tiếp hiệu quả và quản lý thời gian cho hoạt động nghề nghiệp tại đơn vị thực tập |
| 1 | 4 | | 3 | 2 | Áp dụng phương thức thu thập và xử lý thông tin về đơn vị thực tập |
|  |  | |  |  | Áp dụng kỹ năng xử lý tình huống nảy sinh trong quá trình thực tập |
| **1** | **4** | | **4** |  | ***Đánh giá* và *cải tiến* hoạt động thực tập nghề nghiệp** | **4.0** |
| 1 | 4 | | 4 | 1 | Phân tích, đánh giá về mô hình/lĩnh vực hoạt động liên quan đến ngành |  |
| 1 | 4 | | 4 | 2 | Áp dụng chiến lược lấy ý kiến chuyên gia và người hướng dẫn |
| 1 | 4 | | 4 | 3 | Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động thực tập nghề nghiệp |
| **II** |  | |  |  | **KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP** |  |
| **2** | **1** | |  |  | **Kỹ năng nghề nghiệp của ngành Ngôn ngữ Anh** |  |
| **2** | **1** | | **1** |  | ***Thực hiện* hiệu quả kỹ năng chuyển dịch ngôn ngữ văn bản Việt-Anh, Anh-Việt** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 1 | 1 | Tổng hợp ngữ liệu, lựa chọn từ vựng chính xác, phù hợp trong dịch thuật |  |
| 2 | 1 | | 1 | 2 | Suy đoán nghĩa của từ, của ý trong văn bản |
| 2 | 1 | | 1 | 3 | Phân tích và xử lý văn bản |
| 2 | 1 | | 1 | 4 | Lý giải ảnh hưởng của yếu tố văn hóa trong dịch thuật |
| 2 | 1 | | 1 | 5 | Giải quyết những tình huống nảy sinh trong dịch thuật |
| 2 | 1 | | 1 | 6 | Phân tích, cải tiến văn bản dịch |
| **2** | **1** | | **2** |  | ***Thực hiện* hiệu quả kỹ năng phiên dịch Việt-Anh, Anh-Việt** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 2 | 1 | Áp dụng kỹ năng và thủ thuật phiên dịch: kỹ năng ghi nhớ, |  |
| 2 | 1 | | 2 | 2 | kỹ năng ghi chép, kỹ năng trình bày ngôn bản dịch |
| 2 | 1 | | 2 | 3 | Áp dụng kỹ năng trình bày trước công chúng |
| 2 | 1 | | 2 | 4 | Áp dụng kỹ thuật dịch đuổi |
| 1 | 1 | | 2 | 5 | Lựa chọn ngữ liệu phù hợp trong ngôn cảnh |
| 2 | 1 | | 2 | 6 | Áp dụng kỹ năng ngữ dụng để đối phó với những tình huống nảy sinh trong phiên dịch |
| **2** | **1** | | **3** |  | ***Thực hiện* giao tiếp tiếng Anh thành thạo (tương đương bậc 5)** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 3 | 1 | Lập luận, phân tích và giải quyết các vấn đề trong Nghe-Nói, Đọc-Viết tiếng Anh |  |
| 2 | 1 | | 3 | 2 | Thực hiện giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh tại doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài |
| **2** | **1** | | **4** |  | ***Vận dụng* kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong kinh doanh** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 4 | 1 | Vận dụng kỹ năng thuyết trình/bài phát biểu đơn giản, logic và thuyết phục người nghe |  |
| 2 | 1 | | 4 | 2 | Thực hiện các kỹ năng đưa và nhận ý kiến phản hồi |
| 2 | 1 | | 4 | 3 | Xử lý các tính huống gây hiệu ứng ngược trước đám đông và những giải pháp vượt qua chúng |
| 2 | 1 | | 4 | 4 | Vận dụng cách thức thể hiển hiệu quả hành vi ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong thuyết trình, đàm phán |
| **2** | **1** | | **5** |  | ***Vận dụng* chiến lược giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 5 | 1 | Xây dựng phương pháp giao tiếp hiệu quả tại doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài |  |
| 2 | 1 | | 5 | 2 | Thực hiện chiến lược giao tiếp hiệu quả qua các tình huống trong thực tiễn |
| 2 | 1 | | 5 | 3 | Đánh giá và nâng cao năng lực giao tiếp trong môi trường đa văn hóa |
| **2** | **1** | | **6** |  | ***Xây dựng* kế hoạch, tổ chức, hướng dẫn tour du lịch** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 6 | 1 | Xây dựng kế hoạch tour du lịch |  |
| 2 | 1 | | 6 | 2 | Sắp xếp tổ chức tour du lịch |
| 2 | 1 | | 6 | 3 | Thực hiện hướng dẫn tour du lịch |
| **2** | **1** | | **7** |  | ***Vận dụng* nghiệp vụ hành chính văn phòng** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 7 | 1 | Thực hiện liên lạc, giao tiếp hiệu quả với đối tác/khách hàng |  |
| 2 | 1 | | 7 | 2 | Xử lý thông tin liên quan đến công tác văn phòng |
| 2 | 1 | | 7 | 3 | Phân loại, phân cấp, lưu trữ hồ sơ |
| 2 | 1 | | 7 | 4 | Tổ chức meeting, sử dụng máy tính soạn gửi thư từ, giấy tờ công văn, sử dụng máy fax |
| 2 | 1 | | 7 | 5 | Tổ chức và bố trí không gian làm việc |
| 2 | 1 | | 7 | 6 | Quản trị thời gian, văn thư và lập hồ sơ công việc |
| **2** | **1** | | **8** |  | ***Vận dụng* nghiệp vụ truyền thông và quan hệ công chúng** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 8 | 1 | Thực hành ứng xử truyền thông nơi công chúng |  |
| 2 | 1 | | 8 | 2 | Thực hành nghiệp vụ làm báo, chuyển dịch ngôn ngữ báo chí, truyền thông. |
| 2 | 1 | | 8 | 3 | Phân tích ảnh hưởng qua lại giữa xã hội và báo chí/truyền thông |
| **2** | **1** | | **9** |  | ***Vận dụng* kỹ năngmarketing trong lĩnh lực kinh tế** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 9 | 1 | Áp dụng chiến lược tiếp thị sản phẩm |  |
| 2 | 1 | | 9 | 2 | Áp dụng hiệu quả chiến lược giao tiếp với khách hàng |
| 2 | 1 | | 9 | 3 | Áp dụng chiến lược, kế hoạch, tổ chức, kiểm tra thị trường |
| **2** | **1** | | **10** |  | ***Vận dụng* kỹ năngxây dựng dự án, đánh giá phương án khả thi** | **3.5** |
| 2 | 1 | | 10 | 1 | Xây dựng dự án đơn giản |  |
| 2 | 1 | | 10 | 2 | Lập kế hoạch hoạt động, phân tích dự án |
| 2 | 1 | | 10 | 3 | Phân tích, đánh giá dự án, đặc biệt trong lĩnh vực các dự án phát triển |
| **2** | **2** | |  |  | **Lập luận phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp** |  |
| **2** | **2** | | **1** |  | ***Phát hiện* và hình thành vấn đề** | **2.5** |
| 2 | 2 | | 1 | 1 | Xác định nhóm vấn đề ưu tiên cần giải quyết |  |
| 2 | 2 | | 1 | 2 | Sắp xếp vấn đề ưu tiên đối với mục tiêu chung |
| 2 | 2 | | 1 | 3 | Xây dựng kế hoạch giải quyết vấn đề |
| **2** | **2** | | **2** |  | ***Tổng quá hóa* vấn đề** | **3.0** |
| 2 | 2 | | 2 | 1 | Tóm tắt vấn đề để đơn giản hóa vấn đề |  |
| 2 | 2 | | 2 | 2 | Xây dựng các giải pháp khả thi cho vấn đề và phương án dự phòng |
| 2 | 2 | | 2 | 3 | Tổng quát hóa của các giải pháp phân tích |
| **2** | **2** | | **3** |  | ***Triển khai* giải pháp và đề xuất** | **3.0** |
| 2 | 2 | | 3 | 1 | Sắp xếp các giải pháp theo thứ tự ưu tiên |  |
| 2 | 2 | | 3 | 2 | Triển khai giải pháp tối ưu |
| 2 | 2 | | 3 | 3 | Tổng kết kết quả quan trọng của giải pháp và kiểm tra dữ liệu |
| 2 | 2 | | 3 | 4 | Xây dựng các đề xuất tóm lược |
| 2 | 2 | | 3 | 5 | Cải tiến giải pháp cho vấn đề |
| **2** | **3** | |  |  | **Thử nghiệm, nghiên cứu và khám phá tri thức** |
| **2** | **3** | | **1** |  | ***Thể hiện* khả năng cập nhật tri thức** | **3.0** |
| 2 | 3 | | 1 | 1 | Nhận biết tác động tiềm năng của những khám phá khoa học mới |  |
| 2 | 3 | | 1 | 2 | Nhận biết tác động xã hội của các sáng kiến mới và có khả năng đề xuất sáng kiến mới của bản thân |
| 2 | 3 | | 1 | 3 | Thích ứng với công nghệ đương đại trong hoạt động nghề nghiệp |
| **2** | **3** | | **2** |  | ***Thể hiện* khả năng tổng hợp tài liệu** | **3.0** |
| 2 | 3 | | 2 | 1 | Thể hiện khả năng tìm kiếm và xác định thông tin qua thư viện, công cụ trực tuyến và cơ sở dữ liệu cho hoạt động nghề nghiệp |  |
| 2 | 3 | | 2 | 2 | Có khả năng liên kết thông tin với nhau và thể hiện chính kiến của bản thân |
| 2 | 3 | | 2 | 3 | Sắp xếp và phân loại thông tin chính yếu, chất lượng và độ tin cậy của thông tin |
| 2 | 3 | | 2 | 4 | Chọn lọc những nội dung có giá trị, hữu ích cho hoạt động nghề nghiệp |
| **2** | **3** | | **3** |  | ***Thể hiện* khả năng phân tích và xử lý thông tin** | **3.0** |
| 2 | 3 | | 3 | 1 | Đánh giá thống kê dữ liệu được thu thập |  |
| 2 | 3 | | 3 | 2 | Phân tích những giới hạn của dữ liệu được sử dụng |
| 2 | 3 | | 3 | 3 | Đưa ra các kết luận và những cải tiến trong quá trình thu thập thông tin |
| **2** | **3** | | **4** |  | ***Thể hiện* khả năng trải nghiệm sáng tạo** | **3.0** |
| 2 | 3 | | 4 | 1 | Thể hiện tính chủ động, tự khám phá tri thức trong hoạt động nghề nghiệp |  |
| 2 | 3 | | 4 | 2 | Thể hiện khả năng vận dụng những kiến thức vào thực tiễn thông qua hoạt động trải nghiệm |
| 2 | 3 | | 4 | 3 | Thể hiện tư duy sáng tạo, khả năng giải quyết vấn đề theo nhiều cách thức khác nhau |
| 2 | 3 | | 4 | 4 | Thể hiện khả năng gắn bó với đời sống, với địa phương, cộng đồng, chính quyền, doanh nghiệp |
| 2 | 3 | | 4 | 5 | Hình thành và phát triển những phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, kỹ năng sống qua hoạt động trải nghiệm |
| **2** | **3** | | **5** |  | ***Thể hiện* khả năng thích nghi trong môi trường làm việc khác nhau** | **3.0** |
| 2 | 3 | | 5 | 1 | Thể hiện ý thức làm chủ tình thế và bản thân, chọn lựa các cơ hội dựa trên nhu cầu |  |
| 2 | 3 | | 5 | 2 | Biết sử dụng nhiều phương cách linh hoạt ứng biến với môi trường mới |
| 2 | 3 | | 5 | 3 | Thể hiện khả năng đối mặt với hiện thực bằng thái độ khách quan, bình tĩnh khi xem xét sự việc |
| 2 | 3 | | 5 | 4 | Thể hiện khả năng làm việc đa dạng, sẵn sàng phối hợp, hợp tác, nắm bắt và ứng xử phù hợp với cá tính khác nhau của các đồng nghiệp |
| 2 | 3 | | 5 | 5 | Thể hiện khả năng phân tích giải quyết vấn đề, kịp thời điều chỉnh tâm lý, thích nghi tốt với hoàn cảnh |
| **2** | **4** | |  |  | **Tư duy hệ thống** |  |
| **2** | **4** | | **1** |  | ***Phân tích* vấn đề theoduy lô gíc** | **3.0** |
| 2 | 4 | | 1 | 1 | Xây dựng lý lẽ lô-gic và các giải pháp |  |
| 2 | 4 | | 1 | 2 | Hình thành các bằng chứng hỗ trợ, sự thật và thông tin |
| 2 | 4 | | 1 | 3 | Làm sáng tỏ các kết luận và ý nghĩa |
| **2** | **4** | | **2** |  | ***Suy xét* mối tương quan giữa các vấn đề** | **3.0** |
| 2 | 4 | | 2 | 1 | Diễn giải được mối tương quan giữa các vấn đề |  |
| 2 | 4 | | 2 | 2 | Có khả năng tổng hợp và tổng quát hóa các vấn đề |
| 2 | 4 | | 2 | 3 | Dự đoán được các vấn đề có thể nảy sinh |
| **2** | **4** | | **3** |  | ***Xác định* vấn đề ưu tiên** | **3.0** |
| 2 | 4 | | 3 | 1 | Xác đinh tất cả các yếu tố liên quan đến các vấn đề |  |
| 2 | 4 | | 3 | 2 | Xác đinh các yếu tố chính từ trong vấn đề |
| 2 | 4 | | 3 | 3 | Sắp xếp phân bổ thời gian, nguồn lực giải quyết các vấn đề trọng yếu |
| **2** | **4** | | **4** |  | ***Giải quyết* cân bằng giữa các vấn đề** | **3.5** |
| 2 | 4 | | 4 | 1 | Phát hiện sự mâu thuẫn giữa các vấn đề để giải quyết dung hòa |  |
| 2 | 4 | | 4 | 2 | Giải quyết các mâu thuẫn bằng các giải pháp cân bằng |
| 2 | 4 | | 4 | 3 | Đánh giá và cải tiến các giải pháp được sử dụng |
| **2** | **5** | |  |  | **Phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp** |
| **2** | **5** | | **1** |  | ***Thể hiện* đạo đức, liêm chínhvàtrách nhiệm xã hội** | **3.0** |
| 2 | 5 | | 1 | 1 | Xác định được các tiêu chuẩn và nguyên tắc đạo đức của bản thân |  |
| 2 | 5 | | 1 | 2 | Thể hiện sự can đảm để hành động theo nguyên tắc bất chấp hoàn cảnh không thuận lợi |
| 2 | 5 | | 1 | 3 | Thể hiện sự cam kết để phục vụ, đáng tin cậy trong hoạt động nghề nghiệp |
| 2 | 5 | | 1 | 4 | Xem xét đóng góp của bản thân cho cộng đồng, xã hội |
| 2 | 5 | | 1 | 5 | Biết truyền cảm hứng cho những người khác |
| 2 | 5 | | 1 | 6 | Thể hiện cam kết giúp đỡ người khác và xã hội một cách rộng rãi |
| **2** | **5** | | **2** |  | ***Thể hiện* cách hành xử chuyên nghiệp** | **3.0** |
| 2 | 5 | | 2 | 1 | Thể hiện phong cách chuyên nghiệp |  |
| 2 | 5 | | 2 | 2 | Thể hiện sự lịch thiệp chuyên nghiệp |
| 2 | 5 | | 2 | 3 | Thể hiện sự am hiểu các tập quán và chuẩn mực quốc tế trong giao tiếp |
| **2** | **5** | | **3** |  | ***Thể hiện* tính trung thực trong nghề nghiệp** | **3.0** |
| 2 | 5 | | 3 | 1 | Thể hiện sự ngay thẳng, thật thà trong hoạt động nghề nghiệp |  |
| 2 | 5 | | 3 | 2 | Thể hiện sự tôn trọng sự thật |
| 2 | 5 | | 3 | 3 | Thể hiện thái độ công bằng, tôn trọng người khác |
| **2** | **5** | | **4** |  | ***Thể hiện* sự nhiệt tình và say mê công việc** | **3.0** |
| 2 | 5 | | 4 | 1 | Thể hiện tinh thần làm việc chăm chỉ, có cường độ cao |  |
| 2 | 5 | | 4 | 2 | Thể hiện sự sẵn sàng nhận mọi nhiệm vụ được giao |
| 2 | 5 | | 4 | 3 | Thể hiện ý thức trách nhiệm về kết quả công việc |
| 2 | 5 | | 4 | 4 | Thể hiện sự chấp nhận đóng góp, phê bình và sẵn sàng suy ngẫm và phản hồi |
| 2 | 5 | | 4 | 5 | Thể hiện sự cân bằng giữa cuộc sống cá nhân và nghề nghiệp |
| **2** | **5** | | **5** |  | ***Thể hiện* tính kỷ luật nghề nghiệp** | **3.0** |
| 2 | 5 | | 5 | 1 | Thể hiện sự tuân thủ chấp hành quy định của tổ chức |  |
| 2 | 5 | | 5 | 2 | Thể hiện sự tuân thủ chấp hành quy định nghề nghiệp |
| 2 | 5 | | 5 | 3 | Thể hiện hành động theo cam kết |
| **III** |  | |  |  | **KỸ NĂNG LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP** |  |
| **3** | **1** | |  |  | **Kỹ năng làm việc nhóm** |  |
| **3** | **1** | | **1** |  | ***Phác thảo* mục tiêu và kế hoạch làm việc nhóm** | **3.0** |
| 3 | 1 | | 1 | 1 | Phát thảo mục tiêu của nhóm dựa trên nhu cầu, đặc điểm cá nhân |  |
| 3 | 1 | | 1 | 2 | Lập kế hoạch cho hoạt động nhóm dựa trên năng lực của cá nhân |
| **3** | **1** | | **2** |  | ***Triển khai* hoạt động nhóm** | **3.0** |
| 3 | 1 | | 2 | 1 | Thực hiện quy trình làm việc nhóm theo mục tiêu và kế hoạch |  |
| 3 | 1 | | 2 | 2 | Thực hiện kế hoạch nhóm theo trách nhiệm được phân công |
| 3 | 1 | | 2 | 3 | Chia sẻ các ý kiến thông tin giữa các thành viên trong nhóm |
| 3 | 1 | | 2 | 4 | Cộng tác với các thành viên trong nhóm để hoàn thành công việc |
| **3** | **1** | | **3** |  | ***Triển khai* phát triển nhóm** | **3.0** |
| 3 | 1 | | 3 | 1 | Triển khai kỹ năng cho sự duy trì và phát triển nhóm |  |
| 3 | 1 | | 3 | 2 | Triển khai kỹ năng cho sự phát triển các nhân trong nhóm |
| 3 | 1 | | 3 | 3 | Triển khai các chiến lược cho giao tiếp và báo cáo nhóm |
| **3** | **1** | | **4** |  | ***Dẫn dắt* lãnh đạo nhóm** | **3.0** |
| 3 | 1 | | 4 | 1 | Quản trị quá trình làm việc nhóm |  |
| 3 | 1 | | 4 | 2 | Hướng dẫn và cố vấn |
| 3 | 1 | | 4 | 3 | Tạo đồng thuận, chia sẻ, tôn trọng lẫn nhau |
| 3 | 1 | | 4 | 4 | Tạo đoàn kết, hợp tác thực hiện nhiệm vụ của nhóm |
| **3** | **1** | | **5** |  | ***Hoạt động* nhóm đa ngành** | **3.0** |
| 3 | 1 | | 5 | 1 | Có khả năng làm việc hiệu quả trong trong các nhóm liên ngành |  |
| 3 | 1 | | 5 | 2 | Có khả năng làm việc với các nhóm từ môi trường làm việc khác nhau |
| 3 | 1 | | 5 | 3 | Biết tôn trọng các cá nhân có kỹ năng, văn hóa, kinh nghiệm khác nhau |
| 3 | 1 | | 5 | 4 | Có khả năng thu hút và liên kết các cá nhân khác nhau |
| **3** | **2** | |  |  | **Kỹ năng giao tiếp** |  |
| **3** | **2** | | **1** |  | ***Sử dụng* kỹ năng thuyết trình** | **3.0** |
| 3 | 2 | | 1 | 1 | Hiểu và phân tích đối tượng dự thính |  |
| 3 | 2 | | 1 | 2 | Xác định mục đích, nội dung, phương pháp thuyết trình |
| 3 | 2 | | 1 | 3 | Giải quyết các tình huống phát sinh trong thuyết trình |
| 3 | 2 | | 1 | 4 | Trình bày bài thuyết trình rõ ràng, dễ hiểu, lô-gic, đúng thời gian quy định |
| **3** | **2** | | **2** |  | ***Vận dụng* chiến lược giao tiếp** | **3.0** |
| 3 | 2 | | 2 | 1 | Phân tích tình huống giao tiếp, mục đích giao tiếp |  |
| 3 | 2 | | 2 | 2 | Nhận diện đặc điểm của đối tượng giao tiếp, bối cảnh giao tiếp |
| 3 | 2 | | 2 | 3 | Xây dựng các hình thức giao tiếp và ứng xử chuyên nghiệp |
| **3** | **2** | | **3** |  | ***Thực hành* giao tiếp bằng văn bản** | **3.0** |
| 3 | 2 | | 2 | 1 | Định dạng đúng văn bản |  |
| 3 | 2 | | 2 | 2 | Thể hiện văn phong mạnh lạc và trôi chảy |
| 3 | 2 | | 2 | 3 | Sử dụng ngôn ngữ chính xác (đúng chính tả và ngữ pháp) |
| **3** | **2** | | **3** |  | ***Thực hành* giao tiếp điện tử và đa phương tiện** | **3.0** |
| 3 | 2 | | 3 | 1 | Hình thành thói quen sử dụng thư điện tử, tin nhắn và hội thảo qua video |  |
| 3 | 2 | | 3 | 2 | Thực hiện các hình thức giao tiếp qua diễn đàn, mạng xã hội |
| **3** | **3** | |  |  | **Giao tiếp bằng ngoại ngữ** |  |
| **3** | **3** | | **1** |  | ***Sử dụng* tiếng Anh trong giao tiếp (tương đương bậc 5)** | **3.5** |
| 3 | 3 | | 1 | 1 | Sử dụng tiếng Anh đọc hiểu tài liệu liên quan đến nghề nghiệp |  |
| 3 | 3 | | 1 | 2 | Sử dụng tiếng Anh viết báo cáo, thực hiện dự án, thuyết trình |
| 3 | 3 | | 1 | 3 | Thực hiện giao tiếp (nghe, nói) tiếng Anh thành thạo |
| **3** | **3** | | **2** |  | ***Sử dung* tiếng Pháp trong giao tiếp (tương đương bậc 3)** | **3.0** |
| 3 | 3 | | 2 | 1 | Có khả năng đọc các văn bản với các chủ để quen thuộc bằng tiếng Pháp |  |
| 3 | 3 | | 2 | 2 | Có khả năng viết, trình bày các vấn đề đơn giản bằng tiếng Pháp |  |
| 3 | 3 | | 2 | 3 | Có khả năng giao tiếp cơ bản (nghe, nói) bằng tiếng Pháp |
| **IV** |  | |  |  | **NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG (C), XÂY DỰNG (D), THỰC HIỆN (I) VÀ PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG NGHỀ NGHIỆP TRONG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI VÀ TỔ CHỨC** |  |
| **4** | **1** | |  |  | **Hiểu biết bối cảnh xã hội và ngành đào tạo** |  |
| **4** | **1** | | **1** |  | ***Nhận thức* vai trò và trách nhiệm của cử nhân Ngôn ngữ Anh** | **2.5** |
| 4 | 1 | | 1 | 1 | Nhận thức mục tiêu nghề nghiệp và vai trò của cử nhân Ngôn ngữ Anh |  |
| 4 | 1 | | 1 | 2 | Nhận thức trách nhiệm của cử nhân Ngôn ngữ Anh đối với xã hội |
| **4** | **1** | | **2** |  | ***Xác định* tác động giữa ngôn ngữ Anh và xã hội** | **2.5** |
| 4 | 1 | | 2 | 1 | Xác định tác động của ngôn ngữ Anh đối với xã hội và tổ chức trong xu thế hội nhập quốc tế |  |
| 4 | 1 | | 2 | 2 | Xác định tác động giữa việc giao tiếp tiếng Anh đối và phát triển tri thức và kinh tế trong thế giới hiện đại |
| **4** | **1** | | **3** |  | ***Hiểu biết* các quy định của xã hội đối với hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 4 | 1 | | 3 | 1 | Hiểu biết các quy định của xã hội đối với chuẩn đầu ra của ngành đào tạo và nghề nghiệp |  |
| 4 | 1 | | 3 | 2 | Hiểu biết các yêu cầu cơ bản của tổ chức về năng lực nghề nghiệp của từng vị trí việc làm đối với cử nhân Ngôn ngữ Anh |
| **4** | **1** | | **4** |  | ***Hiểu* *biết* bối cảnh lịch sử và văn hóa dân tộc và bối cảnh hội nhập**  **quốc tế** | **3.0** |
| 4 | 1 | | 4 | 1 | Hiểu biết truyền thống lịch sử, giá trị văn hóa dân tộc |  |
| 4 | 1 | | 4 | 2 | Hiểu xu thế hội nhập quốc tế và bối cảnh hội nhập quốc tế của đất nước |
| 4 | 1 | | 4 | 3 | Hiểu biết tác động của bối cảnh quốc tế đối với các giá trị lịch sử, văn hóa dân tộc |
| 4 | 1 | | 4 | 4 | Hiểu biết tầm quan trọng của việc nắm bắt các vấn đề mang tính thời sự |
| **4** | **2** | |  |  | **Hiểu biết bối cảnh tổ chức** |  |
| **4** | **2** | | **1** |  | ***Hiểu biết* sự đa dạng văn hóa của tổ chức** | **3.0** |
| 4 | 2 | | 1 | 1 | Hiểu biết sự khác biệt về văn hóa và thước đo thành công trong các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau |  |
| 4 | 2 | | 1 | 2 | Biết tôn trọng sự khác biệt, đa dạng về văn hóa |
| **4** | **2** | | **2** |  | ***Hiểu biết* sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của tổ chức** | **3.0** |
| 4 | 2 | | 2 | 1 | Hiểu biết sứ mạng và tầm nhìn của tổ chức |  |
| 4 | 2 | | 2 | 2 | Hiểu biết chiến lược phát triển của tổ chức và phân bổ nguồn lực |
| 4 | 2 | | 2 | 3 | Hiểu biết mối tương quan giữa nguồn lực của tổ chức và thị trường |
| **4** | **2** | | **3** |  | ***Hiểu* *biết* bối cảnh kinh doanh/hoạt động của tổ chức** | **3.0** |
| 4 | 2 | | 3 | 1 | Hiểu biết thuận lợi và khó khăn của tổ chức |  |
| 4 | 2 | | 3 | 2 | Hiểu biết các lĩnh vực hoạt động của tổ chức và các điểm nổi bật |
| **4** | **3** | |  |  | **Hình thành ý tưởng hoạt động nghề nghiệp** |  |
| **4** | **3** | | **1** |  | ***Xác định* nhu cầu và thiết lập các mục tiêu hoạt động nghề nghiệp** | **2.5** |
| 4 | 3 | | 1 | 1 | Xác định nhu cầu lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp của tổ chức và cơ hội việc làm |  |
| 4 | 3 | | 1 | 2 | Nhận biết lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân và ngành đào tạo |  |
| 4 | 3 | | 1 | 3 | Thiết lập các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và năng lực của hoạt động nghề nghiệp cụ thể |
| **4** | **3** | | **2** |  | ***Xác định* chức năng, nguyên tắc tổ chức, nội dung và quy trìnhhoạt động nghề nghiệp** | **2.5** |
| 4 | 3 | | 2 | 1 | Xác định các chức năng cần thiết hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 3 | | 2 | 2 | Xác định nguyên tắc tổ chức hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 3 | | 2 | 3 | Xác định nội dung hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 3 | | 2 | 4 | Xác định quy trình hoạt động nghề nghiệp |
| **4** | **3** | | **3** |  | ***Phác thảo* kế hoạch hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 4 | 3 | | 3 | 1 | Phác thảo kế hoạch tổng thể cho hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 3 | | 3 | 2 | Phác thảo kế hoạch chi tiết cho hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 3 | | 3 | 3 | Phác thảo yêu cầu và giải pháp cụ thể thực thi kế hoach |
| **4** | **4** | |  |  | **Xây dựng phương án** |  |
| **4** | **4** | | **1** |  | ***Xây dựng* phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 4 | 4 | | 1 | 1 | Nhận biết các phương án khả thi cho hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 4 | | 1 | 2 | Xây dưng phương án tổng thể và chi tiết |
| 4 | 4 | | 1 | 3 | Xây dựng các phương án tối ưu |
| 4 | 4 | | 1 | 4 | Xây dựng phương án dự phòng |
| **4** | **4** | | **2** |  | ***Phân tích* các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp** | **4.0** |
| 4 | 4 | | 2 | 1 | Hiểu rõ nhiệm vụ, quy trình hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 4 | | 2 | 2 | Phân tích các giai đoạn của hoạt động nghề nghiệp cụ thể (khám phá, thử thách, ổn định, phát triển) |
| **4** | **4** | | **3** |  | ***Lựa chọn* phương pháp tiếp cận phù hợp** | **3.5** |
| 4 | 4 | | 3 | 1 | Hiểu biết những yêu cầu cốt lõi của hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 4 | | 3 | 2 | Nhận biết những yếu tố tác động đến hoat động nghề nghiệp |
| 4 | 4 | | 3 | 3 | Đánh giá và lựa chọn phương pháp tiếp cận phù hợp |
| **4** | **4** | | **4** |  | ***Xây dựng* phương pháp đánh giá hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 4 | 4 | | 4 | 1 | Xác đinh các yêu cầu cơ bản cần đánh giá |  |
| 4 | 4 | | 4 | 2 | Lựa chọn phương pháp đánh giá thích hợp |
| 4 | 4 | | 4 | 3 | Xây dựng tiêu chuẩn, phương pháp đánh giá |
| **4** | **5** | |  |  | **Thực hiện** |  |
| **4** | **5** | | **1** |  | ***Triển khai* hoạt động nghề nghiệp** | **3.5** |
| 4 | 5 | | 1 | 1 | Thực hiện kế hoạch hoạt động nghề nghiệp cụ thể |  |
| 4 | 5 | | 1 | 2 | Thực hiện quy trình, nội dung hoạt động nghề nghiệp cụ thể |
| 4 | 5 | | 1 | 3 | Triển khai phương án khả thi hoạt động nghề nghiệp cụ thể |
| 4 | 5 | | 1 | 4 | Áp dụng phương pháp tiếp cận phù hợp |
| **4** | **5** | | **2** |  | ***Vận dụng* kiến thức và kỹ năng chuyên ngành vào thực tiễn hoạt động nghề nghiệp** | **3.5** |
| 4 | 5 | | 2 | 1 | Vận dụng kiến thức nền, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành vào các tình huống khác nhau |  |
| 4 | 5 | | 2 | 2 | Có khả năng sử dụng các công cụ hỗ trợ, kỹ thuật liên quan trong hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 5 | | 2 | 3 | Áp dụng kỹ năng quản trị thời gian, kỹ năng thích ứng, kỹ năng lập luận, phân tích và giải quyết vấn đề trong hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 5 | | 2 | 4 | Có khả năng xử lí về mặt tâm lý nghề nghiệp trong quá trình triển khai các hoạt động nghề nghiệp |
| **4** | **5** | | **3** |  | ***Quản lý* quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp** | **3.5** |
| 4 | 5 | | 3 | 1 | Thực hiện theo dõi, kiểm soát các hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 5 | | 3 | 2 | Quản lý thời gian và nguồn lực triển khai hoạt động nghề nghiệp |
| 4 | 5 | | 3 | 3 | Tối ưu hóa phù hợp với những hạn chế |
| 4 | 5 | | 3 | 4 | So sánh hiệu suất với các mục tiêu đã đặt ra |
| **4** | **6** | |  |  | **Phát triển** |  |
| **4** | **6** | | **1** |  | ***Phát hiện*, *giải quyết* vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp** | **3.0** |
| 4 | 6 | | 1 | 1 | Nhận biết tính chất phức tạp và khả năng rủi ro |  |
| 4 | 6 | | 1 | 2 | Phán đoán vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện |
| 4 | 6 | | 1 | 3 | Thiết lập giải pháp xử lý vấn đề phát sinh |
| 4 | 6 | | 1 | 4 | Nhận diện vấn đề phát sinh |
| 4 | 6 | | 1 | 5 | Giải quyết vấn đề phát sinh bằng giải pháp tối ưu |
| **4** | **6** | | **2** |  | ***Đánh giá* hiệu quả hoạt động nghề nghiệp** | **4.0** |
| 4 | 6 | | 2 | 1 | Tự đánh giá kết quả thực hiện hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 6 | | 2 | 2 | Lấy ý kiến đồng nghiệp, chuyên gia/cán bộ chuyên môn về kết quả hoạt động nghề nghiệp |
| **4** | **6** | | **3** |  | ***Điều chỉnh, cải tiến* hoạt động nghề nghiệp** | **3.5** |
| 4 | 6 | | 3 | 1 | Sử dụng kết quả đánh giá để điều chỉnh hoạt động nghề nghiệp |  |
| 4 | 6 | | 3 | 2 | Cải tiến và phát triển hoạt động nghề nghiệp |